




Dell SE2417HGX

Sổ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: SE2417HGX
Mẫu quy chuẩn: SE2417HGxc



-  **LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý:** LƯU Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2019-2020 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2020 – 11

Bản sửa đổi A01

Mục lục

Giới thiệu màn hình của bạn	5
Phụ kiện trọn bộ	5
Tính năng sản phẩm	6
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển	7
Tính năng Cấm Là Chạy	10
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD	10
Hướng dẫn bảo dưỡng	10
Lắp đặt màn hình.....	11
Cắm giá đỡ.....	11
Kết nối màn hình của bạn	12
Bộ trí các loại cáp.....	13
Tháo giá đỡ màn hình	14
Sử dụng màn hình.....	15
Bật nguồn màn hình	15
Sử dụng các nút điều khiển mặt trước.....	15
Các nút điều khiển menu OSD.....	16
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)	17
Truy cập menu OSD.....	17
Thông tin cảnh báo OSD.....	28
Thiết lập màn hình của bạn.....	31
Sử dụng độ nghiêng.....	32
Khắc phục sự cố	33
Tự kiểm tra	33
Chẩn đoán tích hợp.....	34
Các sự cố thường gặp	36
Sự cố liên quan đến sản phẩm	38
Thông số kỹ thuật màn hình.....	39
Thông số kỹ thuật màn hình phẳng.....	39
Thông số kỹ thuật độ phân giải	39




Chế độ video hỗ trợ.....	40
Danh sách hỗ trợ card đồ họa FreeSync	40
Chế độ hiển thị cài sẵn.....	40
Thông số kỹ thuật điện.....	41
Đặc tính vật lý.....	41
Đặc tính môi trường	42
Cách gán chấu cắm	44
Phụ lục.....	46
Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác.....	46
Liên hệ với Dell	46



Giới thiệu màn hình của bạn


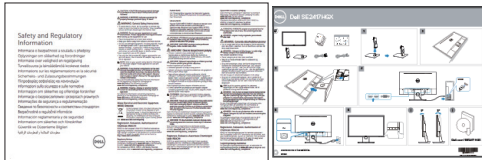
Phụ kiện trọn bộ

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và [Liên hệ với Dell](#) nếu thiếu phụ kiện nào.

 **LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

Hình ảnh phụ kiện	Mô tả phụ kiện
	Màn hình
	Giá đỡ
	Chân đế
	Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)



	<p>Cáp HDMI</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định

Tính năng sản phẩm

Màn hình **Dell SE2417HGX** là loại màn hình phẳng sử dụng công nghệ ma trận động, TFT (thin-film transistor - bóng bán dẫn dạng phim mỏng), màn hình tinh thể lỏng (LCD), và LED backlight (sử dụng đèn LED chiếu sáng sau). Các tính năng màn hình bao gồm:

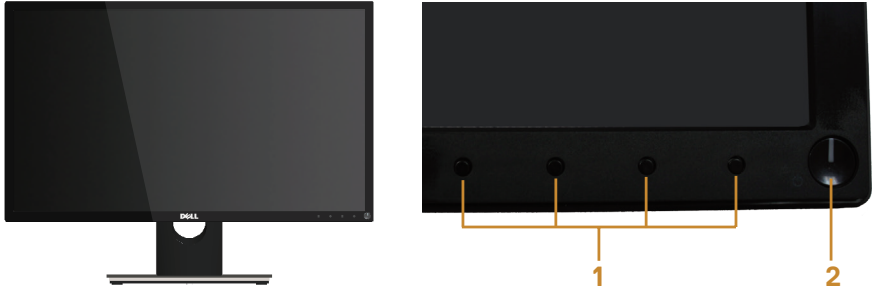
- hiển thị vùng xem 59,9 cm (23,6 inch) (đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống.
- Kết nối HDMI kép và VGA.
- Thời gian đáp ứng của tấm nền là 1 mili giây.
- Hỗ trợ công nghệ AMD FreeSync™.
- Tốc độ làm tươi lên đến 75 Hz.
- Các chế độ chơi game có sẵn gồm có FPS (Bắn súng góc nhìn người thứ nhất), RTS (Chiến thuật thời gian thực) và RPG (Nhập vai).
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Khe khóa an toàn.
- Có thể chuyển từ tỷ lệ khung hình rộng sang tỷ lệ khung hình chuẩn mà vẫn giữ nguyên chất lượng hình ảnh.
- Giảm sử dụng BFR/PVC (các bảng mạch được chế tạo từ tấm mỏng không chứa BFR/PVC.).
- Tỷ lệ tương phản động cao (8.000.000:1).
- ≤0,3 W ở Chế độ chờ.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ bởi màn hình trong thời gian thực.
- Mặt kính không chứa asen và chỉ tấm nền là không chứa chất thủy ngân.
- Để đôi mắt cảm thấy dễ chịu nhất với màn hình không nhấp nháy đã được TÜV chứng nhận.
- Tác hại lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt, căng mắt kỹ thuật số,... Tính năng ComfortView đã được TÜV chứng nhận được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm giúp mắt thoải mái tối ưu.
- Tuân thủ quy định RoHS.



- ⚠ CẢNH BÁO:** Nếu tích hợp phích cắm 3 chấu trên dây nguồn, hãy cắm dây nguồn vào ổ cắm 3 chấu nối đất (đã tiếp đất). Chẳng hạn, không được vô hiệu hóa chấu nối đất của dây nguồn bằng cách cắm bộ chuyển đổi 2 chấu. Chấu nối đất là tính năng an toàn rất quan trọng.
Hãy đảm bảo rằng hệ thống phân phối nguồn điện được lắp đặt trong tòa nhà phải được trang bị bộ ngắt mạch định mức 120/240V, 20A (mức tối đa).

Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước



Các nút điều khiển ở mặt trước

Nhãn	Mô tả
1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình)
2	Nút bật/tắt nguồn (với đèn trạng thái nguồn) Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế độ chờ.

- 📌 LƯU Ý:** Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.



Mặt sau



Mặt sau với giá đỡ màn hình

Mặt sau không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình.
2	Khe khóa an toàn	Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (khóa an toàn không kèm theo màn hình).
3	Nhãn số sê ri mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
4	Khe cắm quản lý cáp	Dùng để bố trí các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này.



Mặt dưới



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng nguồn	Cắm cáp nguồn.
2	Cổng đầu ra*	Kết nối các loa ngoài (được bán riêng).
3	Nhãn quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
4	Cổng HDMI1	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
5	Cổng HDMI2	
6	Cổng VGA	Kết nối máy tính bằng cáp VGA.

LƯU Ý: Không hỗ trợ sử dụng tai nghe cho cổng đầu ra âm thanh.



Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

 **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

 **CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo các [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.



Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn ẩm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Các bước sau có thể áp dụng để kết nối giá đỡ kèm theo màn hình. Để lắp đặt bất kỳ giá đỡ nào khác, hãy đọc tài liệu hướng dẫn kèm theo.

Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót.
2. Lắp khít các then cài ở phía trên giá đỡ vào rãnh phía sau màn hình.
3. Ấn giá đỡ xuống cho đến khi khớp vào vị trí.



Kết nối màn hình của bạn

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

📝 LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào máy tính cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và rút cáp nguồn.
2. Cắm cáp VGA/HDMI từ màn hình của bạn vào máy tính.

Kết nối cáp VGA (được bán riêng)



Kết nối cáp HDMI



Bộ trí các loại cáp

Sử dụng khe quản lý cáp để sắp xếp các loại cáp cắm vào màn hình.

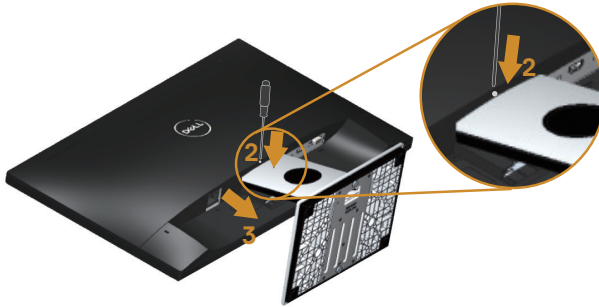


Tháo giá đỡ màn hình

LƯU Ý: Để tránh màn hình LCD bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.


Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót.
2. Dùng tua vít dài và mỏng để đẩy chốt nhỏ.
3. Sau khi chốt cài đã nhả ra, hãy tháo để giữ ra khỏi màn hình.



Sử dụng màn hình

Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.







Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Dùng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.



Bảng sau đây mô tả các nút ở mặt trước:

	Nút mặt trước	Mô tả
1	 Shortcut key (Phím tắt)/ Preset Modes (Chế độ cài sẵn)	Dùng nút này để chọn từ danh sách chế độ cài sẵn.
	 Shortcut key (Phím tắt)/ Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	Dùng nút này để truy cập trực tiếp menu Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).
	 Menu	Dùng nút MENU này để bật menu Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập menu OSD .
	 Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.



2 và 3



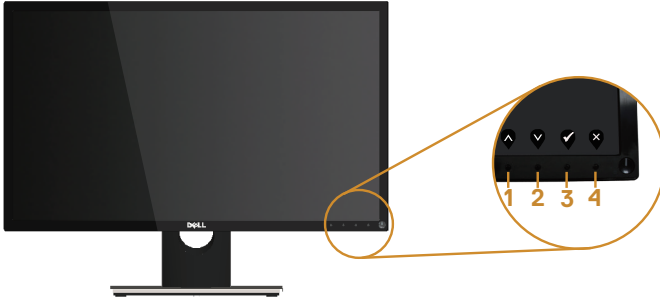
Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED)





Dùng nút Nguồn để Bật và Tắt màn hình.

Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động đầy đủ. Đèn trắng nhấp nháy cho biết đang ở Chế độ chờ.

Các nút điều khiển menu OSD

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



Nút mặt trước	Mô tả
1  Lên	Dùng nút Lên để tăng các giá trị hoặc chuyển lên trong một menu.
2  Xuống	Dùng nút Xuống để giảm các giá trị hoặc chuyển xuống trong một menu.
3  OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn trong một menu.
4  Trở về	Dùng nút Trở về để trở về menu trước.



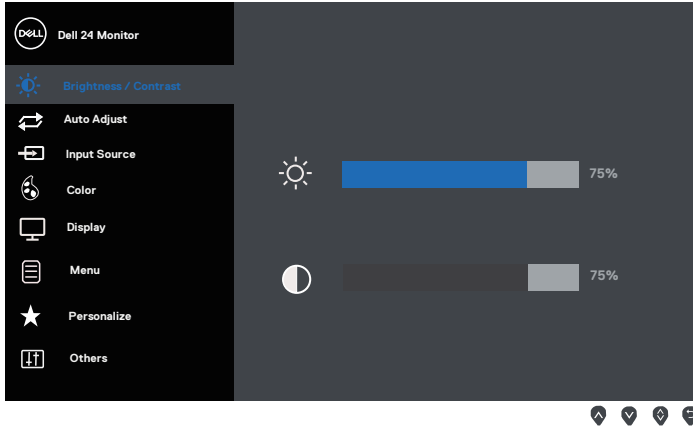
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)










Truy cập menu OSD

LƯU Ý: Mọi thay đổi bạn thực hiện sẽ được lưu lại tự động khi bạn chuyển sang một menu khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD đóng tự động.


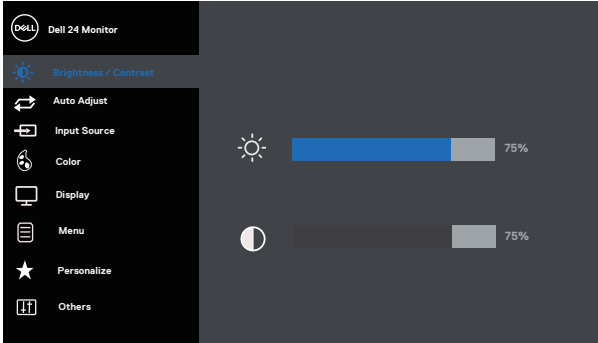




1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.

Menu chính



2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  và sau đó sử dụng các nút  và , theo chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.



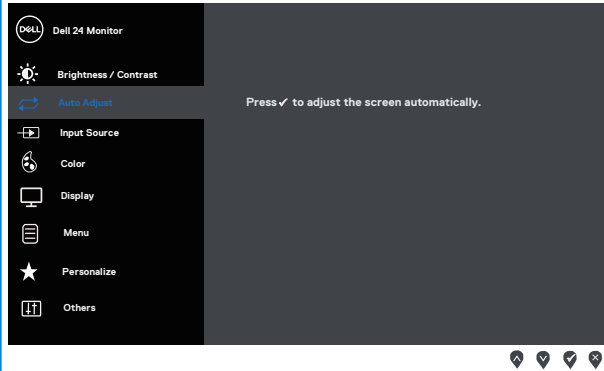
Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	<p>Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh brightness/contrast (Độ sáng/Độ tương phản).</p> 
	Brightness (Độ sáng)	<p>Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng của đèn nền. Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100). LƯU Ý: Tùy chọn chỉnh thủ công cho Độ sáng sẽ bị tắt khi chuyển Độ tương phản động sang Bật.</p>
	Contrast (Độ tương phản)	<p>Chỉnh Độ sáng trước rồi chỉnh Độ tương phản chỉ khi cần phải chỉnh thêm. Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100). Chức năng Contrast (Độ tương phản) sẽ chỉnh mức độ khác biệt giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p>





Auto (Tự động)

Dùng nút này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.



Hộp thoại sau hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sang đầu vào hiện hành:


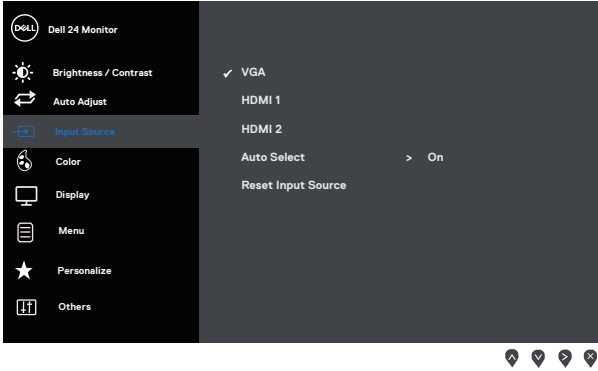




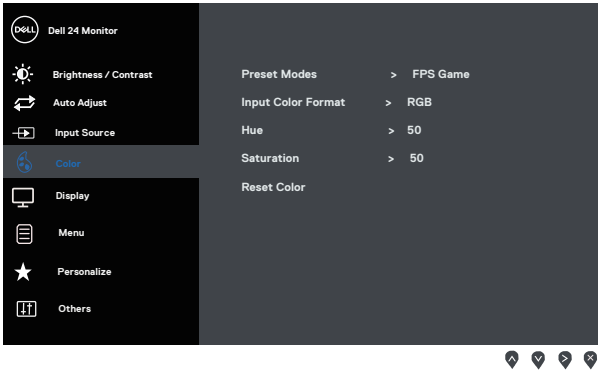
Auto Adjustment in Progress...

Chức năng Chỉnh tự động cho phép màn hình tự chỉnh sang tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động), bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Đồng hồ điểm ảnh (Thô) và Pha (Mịn) trong Cài đặt hiển thị.

LƯU Ý: Chỉnh tự động không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.

Tùy chọn này chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.



	<p>Input Source (Nguồn vào)</p>	<p>Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.</p> 
	<p>VGA</p>	<p>Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) analog. Nhấn  để chọn nguồn vào VGA.</p>
	<p>HDMI 1</p>	<p>Chọn đầu vào HDMI 1 khi bạn đang dùng cổng cắm HDMI 1. Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI 1.</p>
	<p>HDMI 2</p>	<p>Chọn đầu vào HDMI 2 khi bạn đang dùng cổng cắm HDMI 2. Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI 2.</p>
	<p>Auto Select (Chọn tự động)</p>	<p>Chọn tự động để định các tín hiệu đầu vào khả dụng.</p>
	<p>Reset Input Source (Cài lại đầu vào)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi nguồn vào mặc định.</p>
	<p>Color (Màu sắc)</p>	<p>Dùng Màu sắc để chỉnh chế độ cài đặt màu.</p> 



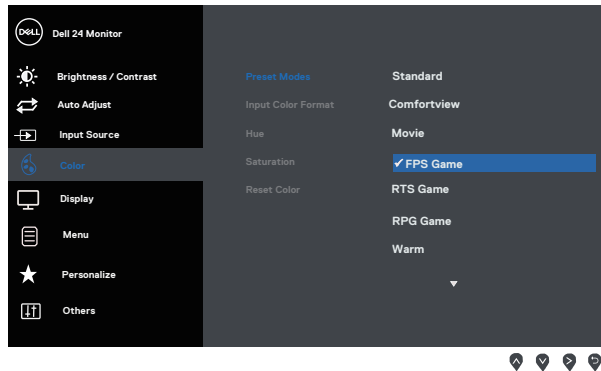


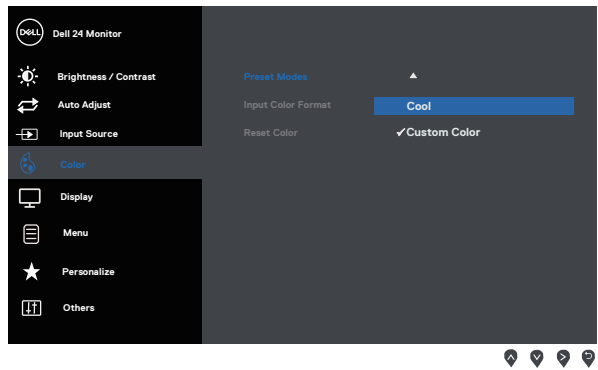
Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

Khi bạn chọn Preset Modes (Chế độ cài sẵn), bạn có thể chọn Standard (Chuẩn), ComfortView, Movie (Phim), FPS Game (Trò chơi FPS), RTS Game (Trò chơi RTS), RPG Game (Trò chơi RPG), Warm (Nóng), Cool (Nguội) hoặc Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên danh sách.

- Standard (Chuẩn): Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- ComfortView: Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.
- Movie (Phim): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- FPS Game (Trò chơi FPS): Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Người Bắn Súng Đầu Tiên.
- RTS Game (Trò chơi RTS): Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Chiến Lược Thời Gian Thực.
- RPG Game (Trò chơi RPG): Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Nhập Vai.
- Warm (Nóng): Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- Cool (Nguội): Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- Custom Color (Màu tùy chỉnh): Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.

Nhấn nút ▲ và ▼ để chỉnh ba giá trị màu (Đỏ, Lục, Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng cho bạn.

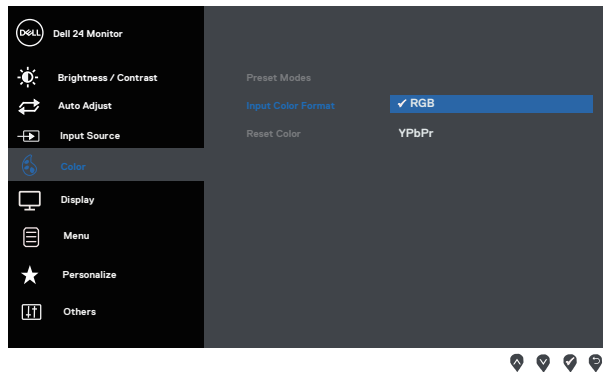




Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:

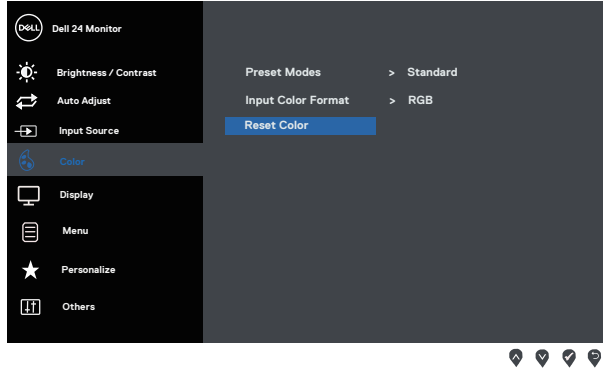
- RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu đĩa DVD bằng cáp HDMI.
- YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.





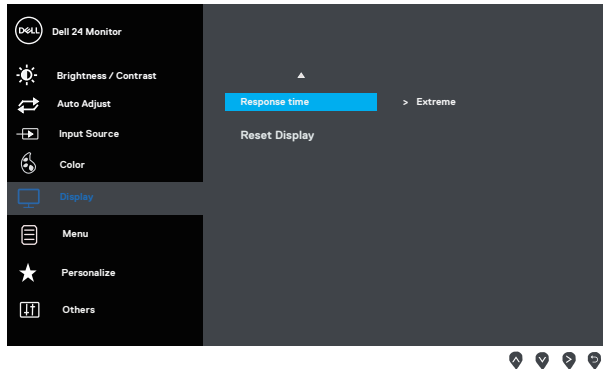
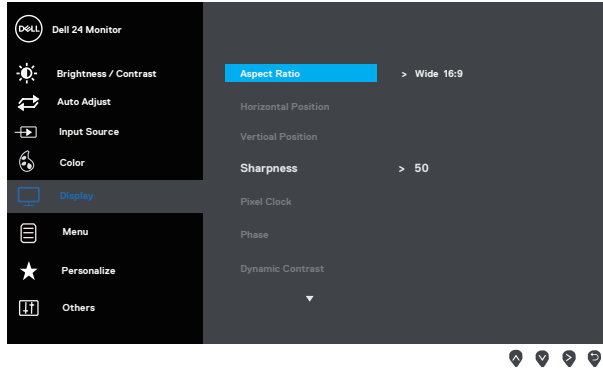
Reset Color (Cài lại màu)

Thiết lập lại cài đặt màu sắc màn hình về các giá trị mặc định của nhà máy.



Display (Hiển thị)












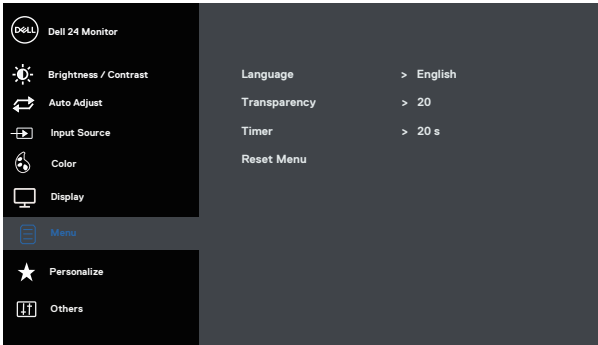
Sử dụng Display (Hiển thị) để chỉnh hình.





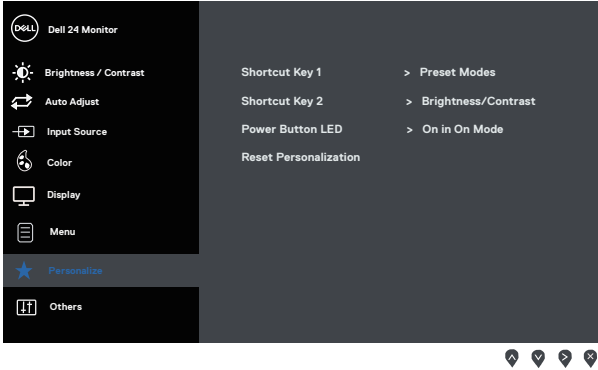
Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Chỉnh tỷ lệ hình sang Wide 16:9 (Rộng 16:9), 4:3 hoặc 5:4.



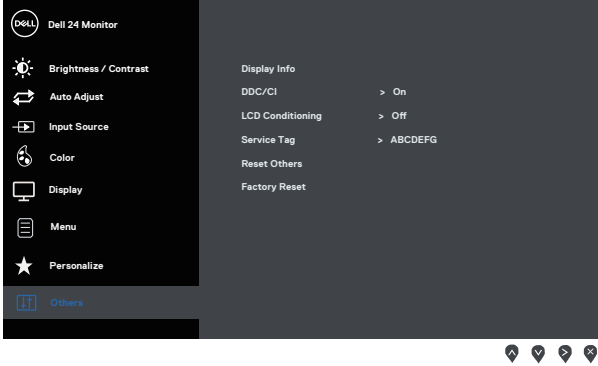
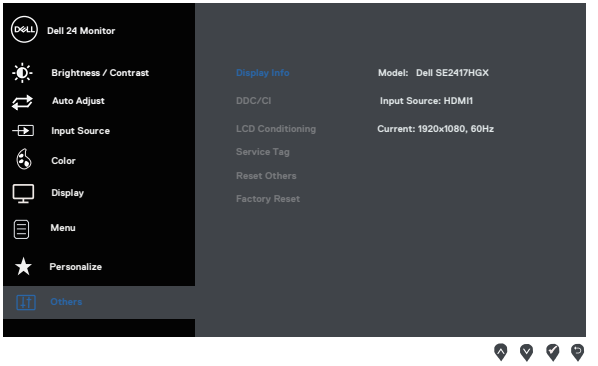


	Horizontal Position (Vị trí ngang)	Dùng các nút  hoặc  để chỉnh hình ảnh sang trái và phải. Tối thiểu là 0 (-). Tối đa là 100 (+).
Vertical Position (Vị trí dọc)	Dùng các nút  hoặc  để chỉnh hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là 0 (-). Tối đa là 100 (+).	
Sharpness (Độ sắc nét)	Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng  hoặc  để chỉnh độ sắc nét từ 0 đến 100.	
Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)	Các điều chỉnh Pha và Đồng hồ điểm ảnh cho phép chỉnh màn hình sang lựa chọn ưu tiên của bạn. Dùng các nút  hoặc  để chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất. Tối thiểu là 0 (-). Tối đa là 100 (+).	
Phase (Pha)	Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Pha, hãy sử dụng điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh (thô) và sau đó sử dụng lại Pha (mịn). Tối thiểu là 0 (-). Tối đa là 100 (+).	
Dynamic Contrast (Độ tương phản động)	Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn. Nhấn nút  để cài độ tương phản động sang bật hoặc tắt. LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động) cung cấp độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn Game (Trò chơi) hoặc Movie (Phim).	
Response Time (Thời gian hồi đáp)	Người dùng có thể chọn giữa Normal (Thường), Fast (Nhanh) hoặc Extreme (Cực độ).	
Reset Display (Cài lại hiển thị)	Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.	
	Menu Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v... 	


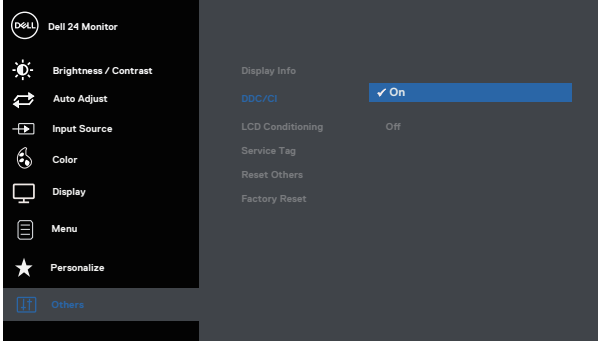
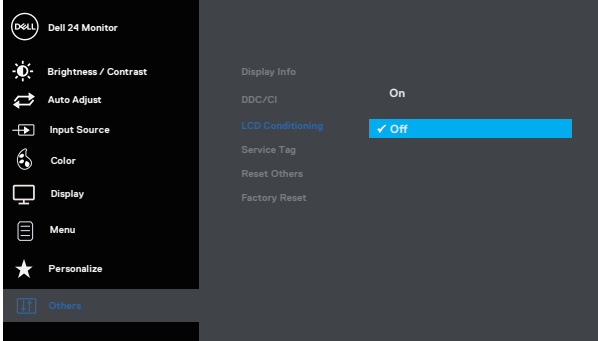



	Language (Ngôn ngữ)	Tùy chọn ngôn ngữ sẽ cài đặt màn hình OSD sang một trong tám ngôn ngữ (English (tiếng Anh), Spanish (tiếng Tây Ban Nha), French (tiếng Pháp), German (tiếng Đức), Brazilian Portuguese (tiếng Bồ Đào Nha Braxin), Russian (tiếng Nga), Simplified Chinese (tiếng Hoa giản) thể hoặc Japanese (tiếng Nhật)).
	Transparency (Độ trong suốt)	Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút ▲ và ▼ từ 0 đến 100.
	Timer (Hẹn giờ)	OSD hold time (Giờ giữ menu OSD): cài thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối. Sử dụng ▲ hoặc ▼ để chỉnh con trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.
	Reset Menu (Cài lại menu)	Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.
	Personalize (Cá nhân hóa)	Người dùng có thể chọn một tính năng từ Shortcut Key 1 (Phím tắt 1), Shortcut Key 2 (Phím tắt 2), Reset personalization (Cài lại cá nhân hóa), Preset modes (Chế độ cài sẵn) hoặc Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) và cài nó làm shortcut key (phím tắt). <div data-bbox="396 692 1005 1062" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;">  </div>
Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)		Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto adjust (Chỉnh tự động), Input source (Nguồn vào), Aspect ratio (Tỷ lệ khung hình) để cài làm Shortcut Key 1 (Phím tắt 1).
Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)		Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto adjust (Chỉnh tự động), Input source (Nguồn vào), Aspect ratio (Tỷ lệ khung hình) để cài làm Shortcut Key 2 (Phím tắt 2).



	<p>Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)</p>	<p>Cho phép bạn đặt đèn báo LED nguồn sang On in On Mode (Bật ở chế độ bật) hoặc Off in On Mode (Tắt ở chế độ tắt) để tiết kiệm điện.</p>
	<p>Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)</p>	<p>Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.</p>
	<p>Others (Khác)</p>	
	<p>Display Info (Hiện thị thông tin)</p>	



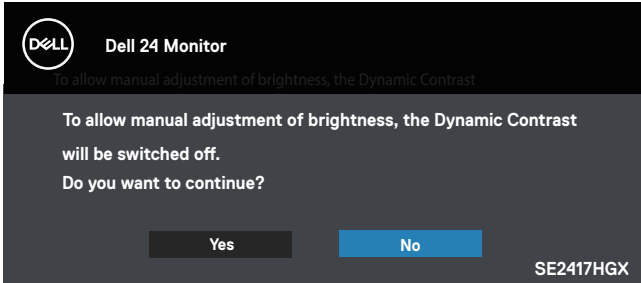
	<p>DDC/CI</p>	<p>DDC/CI (kênh dữ liệu/giao diện lệnh màn hình) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên PC.</p> <p>Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt). Chọn Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.</p> 
	<p>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</p>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn On (Bật).</p> 
	<p>Service Tag (Thẻ dịch vụ)</p>	<p>Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình.</p>
	<p>Reset Other (Cài lại mục khác)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu cài đặt Others (Khác) về giá trị mặc định gốc.</p>
	<p>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt về giá trị mặc định gốc.</p>

 **LƯU Ý:** Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

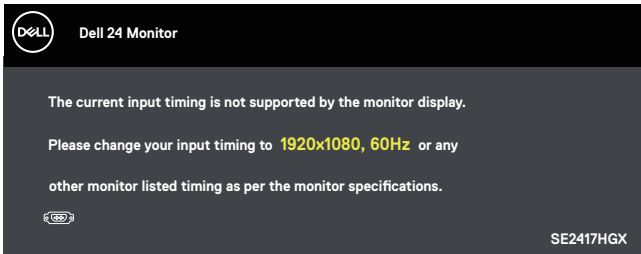


Thông tin cảnh báo OSD

Khi đã bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong các chế độ cài sẵn sau: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**), tùy chọn chỉnh độ sáng thủ công sẽ bị tắt.

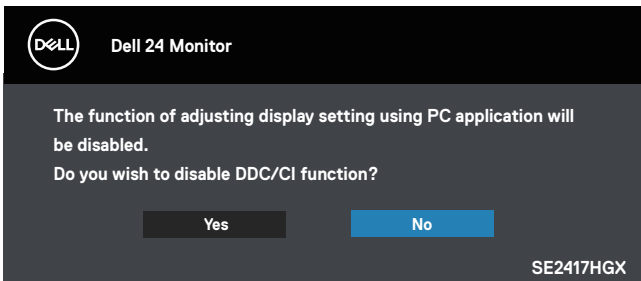


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình phẳng](#) để biết các biên độ tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080.

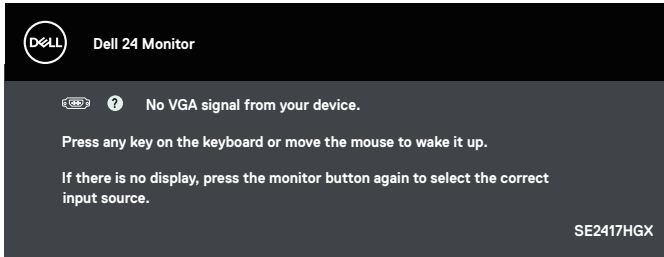
Thông tin sau sẽ hiển thị trước khi tắt chức năng **DDC/CI**:



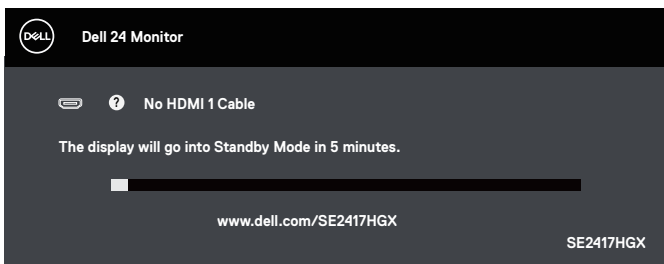
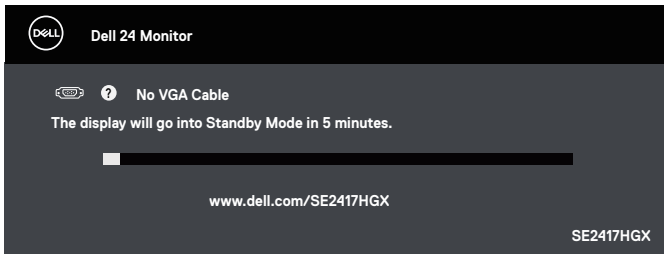
Khi màn hình vào Standby Mode (Chế độ chờ), thông báo sau sẽ hiển thị:

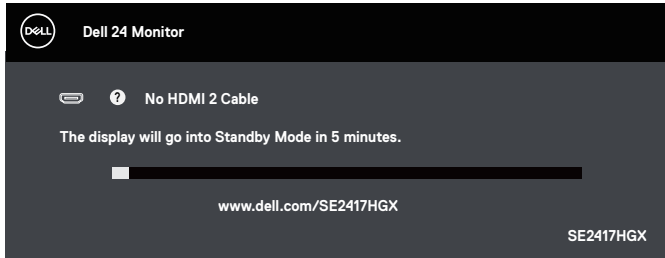


Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:



Nếu chưa cắm cáp VGA hoặc HDMI, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào Standby Mode (Chế độ chờ) sau 5 phút nếu vẫn còn ở trạng thái này.

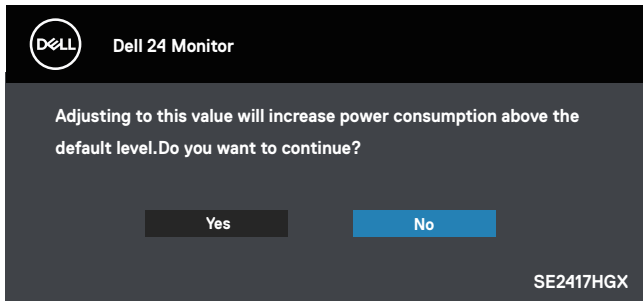




Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Chức năng độ sáng

- Hộp thông báo cảnh báo nguồn điện bên dưới sẽ áp dụng cho các chức năng Độ sáng trong lần đầu.



- Thông báo sẽ chỉ hiển thị 1 lần và không hiển thị lại nếu người dùng chọn “Yes (Có)”. Khi người dùng chọn bất kỳ tùy chọn năng lượng nào, nó sẽ không hiển thị lại.
- Nếu người dùng chọn “No (Không)” và vào lần tiếp theo họ cố gắng tăng Độ sáng vượt quá giá trị mặc định, thông báo này sẽ lại bật lên.
- Khi người dùng chọn “No (Không)”, giá trị này sẽ được đặt ở giá trị vừa lưu gần nhất.
- Thông báo cảnh báo nguồn điện sẽ chỉ hiển thị lại khi người dùng khôi phục lại cài đặt gốc.



Thiết lập màn hình của bạn

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài độ phân giải tối đa cho màn hình:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải số xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy 1920 x 1080 như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập Thẻ bảo hành máy tính của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

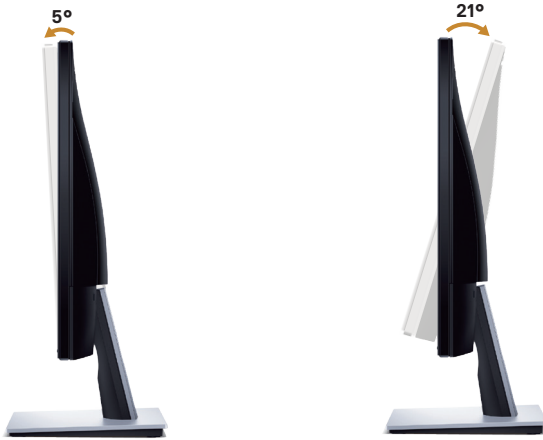
Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.



Sử dụng độ nghiêng

Giá đỡ kèm theo màn hình của bạn hỗ trợ nghiêng về phía trước đến 5 độ và nghiêng ra phía sau 21 độ.



Khắc phục sự cố

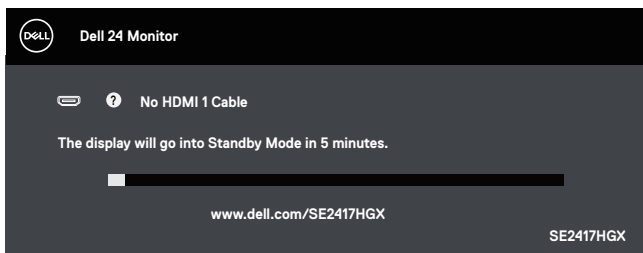
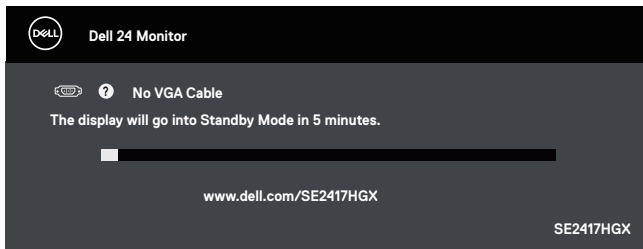
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

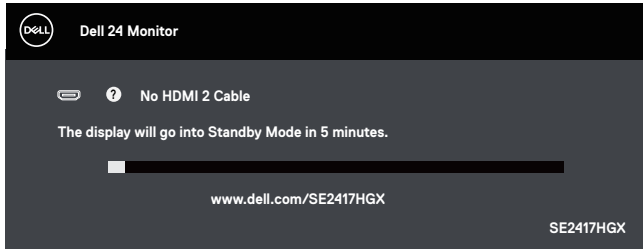
Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.





LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Ấn và giữ Nút 1 trong vòng 5 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Ấn Nút 1 dưới đáy màn hình lần nữa. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.



7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, đen, trắng và văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại Nút 1. Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.



Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Nguồn vào.
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Nguồn vào.
Lấy nét kém	<ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy truy cập trang Hỗ trợ Dell tại www.dell.com/support/monitors.
Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy truy cập trang Hỗ trợ Dell tại www.dell.com/support/monitors.
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.
Méo hình	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD.



Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Sự cố đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở <i>chế độ an toàn</i>.
Sự cố liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.
Màu sắc không đúng	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD Color Settings (Cài đặt màu) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. • Thử các Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). Chính giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trong menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Color settings (Cài đặt màu). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình để tự tắt sau vài phút ở chế độ chờ. Có thể điều chỉnh tính năng này trong cài đặt Windows Power Options hoặc Mac Energy Saver. • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.
Bóng mờ hoặc quá rộng video	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Response Time (Thời gian hồi đáp) trong menu OSD Display (Hiển thị) sang Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.



Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD Cài đặt Display (Hiển thị).• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt bên cạnh	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút phía trên nút Power (Nguồn) trong 10 giây để mở khóa.
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.



Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng

Mẫu	SE2417HGX
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	TN
Hình có thể xem	
Nghiêng	599,44 mm (23,60 trong)
Vùng hoạt động ngang	521,28 mm (20,52 trong)
Vùng hoạt động dọc	293,22 mm (11,54 trong)
Vùng	1528,50 cm ² (236,80 trong ²)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,2715 mm
Góc xem (dọc/ngang)	Chuẩn là 160 độ (dọc) Chuẩn là 170 độ (ngang)
Công suất độ sáng	300 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động)
Lớp phủ bề mặt	Chống lóa bằng lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống vạch sáng đèn LED
Thời gian hồi đáp (Xám sang xám)	Chế độ Normal (Thông thường): 5 ms Chế độ Fast (Nhanh): 2 ms Chế độ Extreme (Cực độ): 1 ms
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	CIE 1976 (84%), CIE 1931 (72%)
FreeSync hỗ trợ tần số khung (chỉ cổng HDMI)	48-75 Hz
Kết nối	2 x HDMI (phiên bản 1.4, HDCP 1.4) 1 x Cổng VGA 1 x Cổng ra âm thanh

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	SE2417HGX
Dải quét ngang	30 kHz - 84 kHz (tự động)



Dải quét dọc	48 Hz - 76 Hz (tự động)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	1920 x 1080 ở tần số 60 Hz (VGA) 1920 x 1080 ở tần số 75 Hz (HDMI)

Chế độ video hỗ trợ

Mẫu	SE2417HGX
Khả năng hiển thị video (HDMI)	480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p

Danh sách hỗ trợ card đồ họa FreeSync

Để biết thêm thông tin về các card đồ họa tương thích với công nghệ Radeon FreeSync, tham khảo www.amd.com

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1080	83,894	75	174,5	+/-



Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	SE2417HGX
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none">• RGB (Đỏ-Lục-Lam) analog, 0,7 V +/-5%, cực dương với trở kháng đầu vào 75 ohm• Tín hiệu HDMI 1.4, 600mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,6A (thông thường)
Dòng điện khởi động	<ul style="list-style-type: none">• 120 V: 30 A (Tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)• 240 V: 60 A (Tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)
Mức tiêu thụ điện	0,1 W (Chế độ tắt) ¹ 0,1 W (Chế độ chờ) ¹ 14,4 W (Chế độ bật) ¹ 25,0 W (Tối đa) ² 14,0 W (Pon) ³ 44,0 kWh (TEC) ³

¹ Như được nêu trong Quy định EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối đa.

³ Pon: Mức tiêu thụ điện của Chế độ bật được đo bằng tham chiếu đến phương pháp kiểm tra Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện tính theo kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp kiểm tra Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Chúng tôi không nêu rõ hay ngụ ý sự bảo đảm nào về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm.

Đặc tính vật lý

Mẫu	SE2417HGX
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">• Kỹ thuật số: có thể tháo rời, HDMI, 19 chấu.• Analog: cáp rời D-Sub 15 chấu.



Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao	422,50 mm (16,63 trong)
Chiều rộng	555,20 mm (21,86 trong)
Độ dày	179,90 mm (7,08 trong)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	330,10 mm (13,00 trong)
Chiều rộng	555,20 mm (21,86 trong)
Độ dày	55 mm (2,17 trong)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao	178,00 mm (7,01 trong)
Chiều rộng	250,00 mm (9,84 trong)
Độ dày	179,90 mm (7,08 trong)
Trọng lượng	
Trọng lượng có thùng đựng	6,29 kg (13,87 lb)
Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	4,35 kg (9,59 lb)
Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp)	3,32 kg (7,32 lb)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	0,67 kg (1,48 lb)
Độ bóng khung trước (tối thiểu)	Khung đen - 85 đơn vị bóng

Đặc tính môi trường

Mẫu	SE2417HGX	
Nhiệt độ		
Sử dụng	0°C - 40°C (32°F - 104°F)	
Không sử dụng	• Bảo quản	-20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
	• Vận chuyển	
Độ ẩm		
Sử dụng	10% đến 80% (không ngưng tụ)	
Không sử dụng	• Bảo quản	10% đến 90% (không ngưng tụ)
	• Vận chuyển	
Độ cao		
Sử dụng (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)	

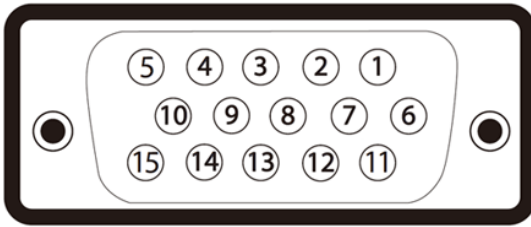


Không sử dụng (tối đa)		12.192 m (40.000 ft)
Công suất tản nhiệt	(tối đa)	• 85,32 BTU/giờ
	(chuẩn)	• 58,01 BTU/giờ



Cách gán châu cắm

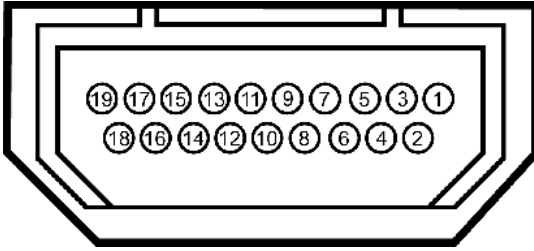
Đầu cắm cáp VGA



Số chân cắm	Phía 15 châu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	Nối đất
5	Tự kiểm tra
6	Nối đất-Đỏ
7	Nối đất-Lục
8	Nối đất-Lam
9	máy tính 5V/3.3V
10	Nối đất-đồng bộ
11	Nối đất
12	Dữ liệu DDC
13	Đ.bộ ngang
14	Đ.bộ dọc
15	Đồng hồ DDC



Đầu cắm HDMI



Số chân cắm	Phía 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	T.M.D.S. Dữ liệu 2-
2	T.M.D.S. Màn chắn dữ liệu 2
3	T.M.D.S. Dữ liệu 2+
4	T.M.D.S. Dữ liệu 1+
5	T.M.D.S. Màn chắn dữ liệu 1
6	T.M.D.S. Dữ liệu 1-
7	T.M.D.S. Dữ liệu 0+
8	T.M.D.S. Màn chắn dữ liệu 0
9	T.M.D.S. Dữ liệu 0-
10	T.M.D.S. Đồng hồ +
11	T.M.D.S. Màn chắn đồng hồ
12	T.M.D.S. Đồng hồ -
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	SCL
16	SDA
17	Tiếp đất DDC/CEC
18	Nguồn điện +5V
19	Phát hiện cắm nóng



Phụ lục

CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để có các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/contactdell.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong danh sách **Chọn quốc gia/khu vực** sổ xuống ở cuối trang.
3. Chọn liên kết dịch vụ hoặc hỗ trợ thích hợp dựa trên yêu cầu của bạn hoặc chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn. Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

✍ LƯU Ý: Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

SE2417HGX : <https://eprel.ec.europa.eu/gr/344955>

